

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 39

1172
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TƯ
KHÊ
KIỂM TO
Á NA
P. HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0302181666 ngày 26/09/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2013 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 01 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương

+ Địa chỉ: Đường 25B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.



- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

- + Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- + Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 63,83% trong Công ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,2%.

- + Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của công ty mẹ: 39,70%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62,20%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên.

- + Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên
- + Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%
- + Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 53.579.491.920 VND. (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 29.581.320.260 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 91.964.934.490 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 60.996.922.080 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên
Ông :	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông :	Lê Trung Hải	Thành viên
Bà :	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông :	Võ Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Đình Quang Minh	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.



Cơ sở của Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) và các Công ty con được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ với 05 (năm) Công ty con đầu tư trực tiếp và 01 (một) công ty con đầu tư gián tiếp do đó Báo cáo tài chính hợp nhất phải được đọc kèm với báo cáo tài chính riêng của công ty con.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hùng

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2014



Lê Hùng

501172
CÔNG TY
NHỆM HỮ
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM TO
HÓA NA
TP. HỒ

Số : 267/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2013**của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)*

Kính gửi: - Các cổ đông Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX được lập ngày 25/03/2014 từ trang 8 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh không thực hiện hợp nhất với Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên (công ty liên kết) do Công ty Gilimex chỉ nắm giữ với mục đích đầu tư, không có bất cứ sự kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể nào đối với các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty này.

Tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ của khoản mục đầu tư dài hạn khác có giá trị là 4.741.578.152 đồng.

Trong năm 2013, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty đối với công trình phường 28, quận Bình Thạnh số tiền 1.009.988.310 đồng, công trình Phú Mỹ số tiền 26.343.359.939 tồn tại từ năm 2012. Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục thay thế hữu hiệu khác để đảm bảo tình trạng thực tế của các công trình trên.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN KTV: 0424-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND			
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		594.779.375.933	621.094.496.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	103.911.179.864	202.754.163.890
1. Tiền	111		27.161.179.864	9.365.214.576
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.750.000.000	193.388.949.314
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	12.524.634.713	11.286.851.713
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.149.832.636	24.081.646.576
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(6.625.197.923)	(12.794.794.863)
III. Các khoản phải thu	130		277.625.789.754	95.554.343.384
1. Phải thu khách hàng	131		203.259.998.170	52.913.421.010
2. Trả trước cho người bán	132		58.915.405.575	26.915.439.502
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	17.576.017.428	16.003.128.040
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.125.631.419)	(277.645.168)
IV. Hàng tồn kho	140	4	176.038.192.365	286.869.167.948
1. Hàng tồn kho	141		176.038.192.365	286.869.167.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.679.579.237	24.629.969.976
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		832.342.408	884.829.359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.548.116.194	22.683.348.039
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	274.954.381	129.525
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	2.024.166.254	1.061.663.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	200		371.532.476.965	267.810.073.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		176.556.493.576	204.882.224.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	126.495.684.334	144.795.574.694
- Nguyên giá	222		191.416.962.016	195.331.056.050
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(64.921.277.682)	(50.535.481.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	14.632.437.895	14.743.890.974
- Nguyên giá	228		15.158.488.376	14.926.658.464
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(526.050.481)	(182.767.490)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	35.428.371.347	45.342.758.667
III. Bất động sản đầu tư	240	10	122.424.343.242	
- Nguyên giá	241		134.550.429.499	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(12.126.086.257)	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	28.534.972.152	24.878.753.979
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11.1	10.677.394.000	14.857.175.827
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11.2	17.857.578.152	10.021.578.152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.790.615.061	38.049.095.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	40.077.711.209	37.453.902.609
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	396.437.052	572.442.868
3. Tài sản dài hạn khác	268		316.466.800	22.750.000
IV. Lợi thế thương mại	269		3.226.052.934	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		966.311.852.898	888.904.570.703



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		604.323.704.153	554.268.185.961
I. Nợ ngắn hạn	310		456.560.612.412	515.188.583.034
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	319.247.625.658	426.311.699.955
2. Phải trả người bán	312		51.129.699.796	43.046.381.976
3. Người mua trả tiền trước	313		3.743.007.782	608.132.960
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	32.449.843.475	11.638.262.666
5. Phải trả công nhân viên	315		27.614.431.981	18.770.569.099
6. Chi phí phải trả	316	16	1.239.395.376	7.539.067.098
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	21.572.446.569	7.228.622.468
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	20.5	(435.838.225)	45.846.813
II. Nợ dài hạn	330		147.763.091.741	39.079.602.927
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.889.976.841	6.110.412.984
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	19.977.196.500	30.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	19	-	1.478.068.868
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	125.895.918.400	1.491.121.075
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	20	341.327.272.806	306.260.826.866
I. Vốn chủ sở hữu	410		341.327.272.806	306.260.826.866
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.245.880.000	139.245.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		171.657.714.793	171.657.714.793
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(107.134.765.077)	(93.233.198.607)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.483.599.600	22.483.599.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.109.909.000	5.109.909.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		91.964.934.490	60.996.922.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		20.660.875.939	28.375.557.875
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		966.311.852.898	888.904.570.703

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		913.110,95	135.748,21
- EUR		4,87	4,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc




Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	892.754.842.227	994.275.400.196
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		75.442.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		892.679.399.727	994.275.400.196
4. Giá vốn hàng bán	22	772.157.952.327	839.972.783.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.521.447.400	154.302.616.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	8.484.106.592	32.432.391.121
7. Chi phí tài chính	23	26.901.816.634	48.482.694.473
+ Trong đó: chi phí lãi vay		24.729.527.859	26.810.965.556
8. Chi phí bán hàng		15.722.423.056	21.491.191.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		80.128.840.807	82.052.172.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.252.473.496	34.708.949.073
11. Thu nhập khác	21.3	148.141.531.812	14.032.104.112
12. Chi phí khác	24	63.611.011.778	1.603.282.165
13. Lợi nhuận khác		84.530.520.034	12.428.821.947
14. Phần lỗ trong công ty liên kết			(734.789.673)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.782.993.530	46.402.981.348
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	36.082.920.998	15.916.035.087
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26	1.120.580.611	905.626.001
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		53.579.491.920	29.581.320.260
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(12.930.855.564)	(6.311.854.600)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		66.510.347.484	35.893.174.860
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	6.120	3.277

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		90.782.993.530	46.402.981.348
2. Điều chỉnh cho các khoản		52.559.660.857	33.924.484.544
- Khấu hao tài sản cố định		23.339.031.165	19.731.643.461
- Các khoản dự phòng		(6.704.239.867)	10.697.338.531
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.227.687.191	323.002.940
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		9.967.654.509	(23.638.465.944)
- Chi phí lãi vay		24.729.527.859	26.810.965.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		143.342.654.386	80.327.465.892
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(187.403.465.845)	9.675.297.291
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		110.830.975.583	(140.786.251.997)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(69.119.355.869)	(25.796.214.500)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.592.153.602)	(2.071.160.845)
- Tiền lãi vay đã trả		(24.885.291.489)	(23.758.499.206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.688.971.147)	(12.513.732.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.020.382.683	4.590.905.056
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.526.235.012)	(26.913.855.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(52.021.460.312)	(137.246.045.542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(57.628.312.774)	(53.828.421.193)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		58.809.495.455	2.625.053.531
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(332.000.000.000)	(408.110.482.044)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		446.243.230.000	443.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(41.805.663.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chia		6.993.657.175	20.000.000
29.315.516.755		6.993.657.175	29.315.516.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		122.418.069.856	(28.283.995.951)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	11.500.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.975.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		645.559.845.184	1.019.459.608.566
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(791.547.185.497)	(904.432.151.836)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.209.647.650)	(24.701.994.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(169.171.987.963)	101.825.462.230
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(98.775.378.419)	(63.704.579.263)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		202.754.163.890	266.592.259.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(67.605.607)	(133.516.329)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		103.911.179.864	202.754.163.890

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 ngày 29/12/2000 và thay đổi lần thứ mười bốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302181666 ngày 26/09/2012 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 139.245.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2013 là 139.245.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp: 01 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 01 công ty.

Tổng số các công ty liên kết không được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 63,83%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 63,83%

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương

+ Địa chỉ: Đường 25B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty con đầu tư gián tiếp được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101484 đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/04/2012 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Địa chỉ: 93 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

+ Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) có tỷ lệ sở hữu 63,83% trong Công ty CP Máy Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) (Công ty con). Công Ty GPPJ đầu tư vào Công ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế với tỷ lệ sở hữu là 62,2%.

+ Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của công ty mẹ: 39,70%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 62,20%

Công ty liên kết không được hợp nhất:

- Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Phú Yên

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400117137 đăng ký lần đầu ngày 1/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/12/2011 bởi Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Phú Yên.

+ Địa chỉ: 235 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

+ Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 13,40%

+ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 21%

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuốc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Tỷ giá được Công ty sử dụng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản mục tiền tệ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính do Ngân Hàng Nhà Nước công bố.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

35011
CÔNG
SỬ DỤNG
SỬ VỤ T
CÁN NH K
A KIỂM
PHÍA N
TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3.14. Công cụ tài chính

3.14.1. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

011:
ÔNG
HIỆM
VU
NH
IỂM
IA N
'P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	506.270.465	4.572.629.888
Tiền gửi ngân hàng	26.654.909.399	4.881.534.002
Tiền gửi VND	7.331.289.048	1.941.555.273
Tiền gửi ngoại tệ	19.323.620.351	2.939.978.729
Các khoản tương đương tiền (TGTK dưới 3 tháng)	76.750.000.000	193.300.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	19.000.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	57.750.000.000	167.100.000.000
Ngân hàng TMCP Bà Rịa - Vũng Tàu		16.000.000.000

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2013 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của

Ngân hàng.

Tổng cộng	103.911.179.864	202.754.163.890
------------------	------------------------	------------------------

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND		01/01/2013 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		18.491.832.636		23.423.646.576
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)	-	-	-	-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)	-	18.491.832.636	-	23.423.646.576
Trong đó:				
Cty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An (TAH)	50.000	2.250.000.000	50.000	2.250.000.000
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An (LAF)	1.109.890	15.656.370.136	123.670	15.656.370.136
Công ty CP XNK và ĐT Thừa Thiên Huế	51.900	585.172.500	51.900	585.172.500
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)	-	-	136.950	4.931.813.940
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB)	132	290.000	132	290.000
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		658.000.000	-	658.000.000
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)		-		-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		(6.625.197.923)		(12.794.794.863)
Trong đó:				
Cty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An		(6.625.197.923)		(11.327.815.923)
Công ty CP Bóng đèn Phích Nước Rạng Đông (RAL)		-		(1.466.978.940)
Tổng cộng		12.524.634.713		11.286.851.713

Ghi chú:

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho cổ phiếu Công ty CP BV Đa khoa Tư nhân Triều An do tại thời điểm này Công ty không thu thập được giá giao dịch của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
	<u>17.576.017.428</u>	<u>16.003.128.040</u>
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	17.576.017.428	16.003.128.040

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2013 là:

Công Ty CP Bất Động Sản Ấn Độ	4.000.000.000
Thuế TNCN cán bộ công nhân viên	1.015.215.670
Lãi tiền gửi tiết kiệm	
Chi cục Hải Quan Quản lý hàng gia công	1.206.190.171
Thuế GTGT hàng nhập chờ kê khai	
Công Ty TNHH XD Việt Build	5.000.000.000
Phải thu khác	6.354.611.587
Tổng cộng	<u><u>17.576.017.428</u></u>

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	287.510.000	-
- Nguyên liệu, vật liệu	103.409.401.304	102.024.875.837
- Công cụ, dụng cụ	9.420.203.452	5.378.762.874
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.530.129.118	39.092.157.659
- Thành phẩm	43.324.443.316	140.314.905.073
- Hàng hoá	11.808.000	-
- Hàng gửi đi bán	54.697.175	58.466.505
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	<u><u>176.038.192.365</u></u>	<u><u>286.869.167.948</u></u>

5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	158.781.872	-
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	116.172.509	129.525
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	116.172.509	-
+ Thuế xuất, nhập khẩu	-	129.525
Tổng cộng	<u><u>274.954.381</u></u>	<u><u>129.525</u></u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	11.582.379	11.582.379
- Tạm ứng	1.189.260.915	725.307.164
- Ký quỹ, ký cược	823.322.960	324.773.510
Tổng cộng	<u>2.024.166.254</u>	<u>1.061.663.053</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	111.248.808.200	69.649.690.213	10.621.874.357	3.718.161.188	92.522.092	195.331.056.050
2. Số tăng trong năm	54.886.719.979	26.215.863.360	2.249.556.222	406.633.683	570.000.000	84.328.773.244
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	7.581.873.181	14.707.438.892	1.226.436.364	152.172.726	570.000.000	24.237.921.163
- Đầu tư XDCN hoàn thành	29.651.136.235	-	-	-	-	29.651.136.235
- Tăng khác	17.653.710.563	11.508.424.468	1.023.119.858	254.460.957	-	30.439.715.846
3. Số giảm trong năm	70.774.392.538	15.120.606.989	680.870.443	1.626.759.219	40.238.089	88.242.867.278
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	69.062.953.833	834.012.899	672.340.200	638.682.637	40.238.089	71.248.227.658
- Giảm khác	1.711.438.705	14.286.594.090	8.530.243	988.076.582	-	16.994.639.620
4. Số dư cuối năm	95.361.135.641	80.744.946.584	12.190.560.136	2.498.035.652	622.284.003	191.416.962.016
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	23.778.979.199	20.453.560.196	4.225.649.019	2.052.812.038	24.480.904	50.535.481.356
2. Khấu hao trong năm	16.291.044.752	13.376.789.830	2.067.569.064	653.295.488	53.712.800	32.442.411.934
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	9.617.121.508	9.638.378.192	1.597.814.128	510.553.175	53.712.800	21.417.579.803
- Tăng khác	6.673.923.244	3.738.411.638	469.754.936	142.742.313	-	11.024.832.131
3. Giảm trong năm	13.110.739.016	3.283.946.311	685.108.674	951.179.684	25.641.923	18.056.615.608
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	13.048.103.105	55.440.566	644.326.048	482.354.465	-	14.230.224.184
- Giảm khác	62.635.911	3.228.505.745	40.782.626	468.825.219	25.641.923	3.826.391.424
4. Số dư cuối năm	26.959.284.935	30.546.403.715	5.608.109.409	1.754.927.842	52.551.781	64.921.277.682
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	87.469.829.001	49.196.130.017	6.396.225.338	1.665.349.150	68.041.188	144.795.574.694
2. Tại ngày cuối năm	68.401.850.706	50.198.542.869	6.582.450.727	743.107.810	569.732.222	126.495.684.334



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	14.761.258.464	-	-	165.400.000	14.926.658.464
2. Số tăng trong năm	-	-	-	259.829.912	259.829.912
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	259.829.912	259.829.912
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	28.000.000	28.000.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	28.000.000	28.000.000
4. Số dư cuối năm	14.761.258.464	-	-	397.229.912	15.158.488.376
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	104.467.517	-	-	78.299.973	182.767.490
2. Khấu hao trong năm	207.780.696	-	-	142.903.731	350.684.427
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	207.780.696	-	-	142.903.731	350.684.427
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	7.401.436	7.401.436
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	7.401.436	7.401.436
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	312.248.213	-	-	213.802.268	526.050.481
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
1. Tại ngày đầu năm	14.656.790.947	-	-	87.100.027	14.743.890.974
2. Tại ngày cuối năm	14.449.010.251	-	-	183.427.644	14.632.437.895

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Chi phí XD CB dở dang	35.382.451.347	45.342.758.667
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	-	225.886.436
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	1.009.988.310	1.009.988.310
+ Công trình Phú Mỹ	26.343.359.939	26.343.359.939
+ Công trình Xường 1	-	14.626.739.742
+ Công trình nhà máy Quảng Trị	3.867.584.240	3.136.784.240
+ Công trình nhà máy Huế	212.698.720	-
+ Công trình Công Ty Thái Bình Dương	3.948.820.138	-
- Mua sắm tài sản cố định	45.920.000	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	35.428.371.347	45.342.758.667

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	-	134.550.429.499	-	134.550.429.499
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	-	134.550.429.499	-	134.550.429.499
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	12.126.086.257	-	12.126.086.257
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	-	12.126.086.257	-	12.126.086.257
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	122.424.343.242	-	122.424.343.242
1. Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
2. Nhà và cơ sở hạ tầng	-	122.424.343.242	-	122.424.343.242
3. Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
Công Ty TNHH Hương Xuân		600.000.000		
Cty CP XD&PT Ngôi Nhà Huế	-	6.653.894.000	-	
CTy CP Kỹ Nghệ Tp.Phú Yên (tỷ lệ sở hữu 21%)	342.350	3.423.500.000	342.350	3.423.500.000
Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế (tỷ lệ sở hữu chéo là 39,57%)		-	427.076	11.433.675.827
Tổng cộng		10.677.394.000		14.857.175.827

11.2. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
1. Đầu tư cổ phiếu	330.000	5.280.000.000	-	5.280.000.000
Trong đó:				
+ Công Ty Cp Dệt 29/3	330.000	5.280.000.000	330.000	5.280.000.000
2. Đầu tư trái phiếu		-		-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-		-
4. Cho vay dài hạn		-		-
5. Đầu tư dài hạn khác		12.577.578.152		4.741.578.152
Trong đó:				
- DA Phường 28, quận B.Thạnh, TP HCM		4.721.578.152		4.721.578.152
- Công ty chứng khoán		-		20.000.000
- Công Ty CP ĐTPT Phong Phú Lãng Cô		800.000.000		-
- Công Ty CP TMDV Thuận Phú		7.056.000.000		-
Tổng cộng		17.857.578.152		10.021.578.152

Ghi chú:

Phân thay đổi các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là đầu tư dài hạn khác là số liệu trên báo cáo riêng của Công ty CP XK&ĐT Thừa Thiên Huế - là công ty con của Công ty CP Máy Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ (GPPJ) với tỷ lệ góp vốn là 62,20%. Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh (GILIMEX) là công ty mẹ của Công Ty GPPJ với tỷ lệ sở hữu 63,83%. Do đó, Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế được ghi nhận là công ty con trên báo cáo tài chính riêng của Công Ty GPPJ và được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất của Công Ty GPPJ và của Công Ty GILIMEX.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Chi phí trả trước về đất dài hạn	13.137.654.372	13.436.237.424
- Lợi thế thương mại	11.113.657.688	12.563.312.168
- Chi phí cho giai đoạn triển khai	620.556.259	3.567.735.735
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;	14.595.229.186	6.601.629.664
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	610.613.704	1.284.987.618
Tổng cộng	40.077.711.209	37.453.902.609

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

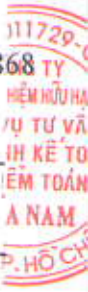
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	90.741.221	572.442.868
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(266.747.036)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	396.437.052	572.442.868

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
14.1. Vay ngắn hạn	313.247.625.658	426.311.699.955
- Vay ngân hàng	313.247.625.658	426.311.699.955
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	32.484.717.625	140.773.336.964
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn	244.829.401.526	275.463.962.281
Ngân hàng ANZ	35.933.506.507	10.074.400.710
- Vay đối tượng khác	-	-
14.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-
Tổng cộng	319.247.625.658	426.311.699.955

Ghi chú:

Các khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
15.1. Thuế phải nộp nhà nước	32.449.843.475	11.638.262.666
- Thuế GTGT	1.338.983.136	105.684.912
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	27.922.998.236	11.355.669.922
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	2.493.820.441	-
- Các loại thuế khác	694.041.662	176.907.831
+ Thuế thu nhập cá nhân	682.117.140	172.720.546
+ Các loại thuế khác	11.924.522	4.187.285
15.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	32.449.843.475	11.638.262.666

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Lãi vay phải trả	1.002.910.982	1.260.865.198
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	6.238.201.900
- Chi phí khác	236.484.394	40.000.000
Tổng cộng	1.239.395.376	7.539.067.098

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	899.613.523	899.613.523
- BHYT, BHXH, BHTN	1.383.500.308	2.087.110.090
- KPCĐ	861.459.637	374.466.094
- Doanh thu chưa thực hiện (cho thuê văn phòng)	125.895.918.400	1.491.121.075
- Phải trả về cổ phần hoá	387.281.608	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	18.040.591.493	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.867.432.761
Tổng cộng	147.468.364.969	8.719.743.543

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2013 là:

+ Công Ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh	9.003.746.930
+ Chi phí đồng phục nhân viên	1.482.507.000
+ Công Ty IKEA TRADING	1.253.708.787
+ Công Ty Dệt Phong Phú	956.943.963
+ Công Ty CP Phong Phú	1.061.710.952
+ Các đối tượng khác	4.281.973.861
Tổng cộng	<u>18.040.591.493</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
18.1. Vay dài hạn	19.977.196.500	30.000.000.000
- Vay ngân hàng	19.977.196.500	30.000.000.000
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội	18.000.000.000	30.000.000.000
+ Ngân Hàng Vietcombank - CN Huế	1.977.196.500	
- Vay đối tượng khác	-	
- Trái phiếu phát hành	-	
18.2. Nợ dài hạn	-	-
- Thuế tài chính	-	
- Nợ dài hạn khác	-	
Tổng cộng	<u>19.977.196.500</u>	<u>30.000.000.000</u>

19. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	1.478.068.868
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.478.068.868)	-
Tổng cộng	-	1.478.068.868



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	139.245.880.000	171.657.714.793	(93.233.198.607)	22.483.599.600	5.109.909.000	60.996.922.080
- Tăng trong năm	-	-	13.901.566.470	13.000.000.000	5.000.000.000	72.524.536.404
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	53.579.491.920
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	13.000.000.000	5.000.000.000	-
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ	-	-	13.901.566.470	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	18.945.044.483
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	41.556.523.994
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HĐCĐ	-	-	-	-	-	18.000.000.000
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	13.000.000.000
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	5.000.000.000
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	21.209.647.650
- Giảm khác	-	-	-	-	-	2.346.876.344
- Số dư cuối năm	139.245.880.000	171.657.714.793	(107.134.765.077)	35.483.599.600	10.109.909.000	91.964.934.490

20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.493.062.500	2,51%	3.493.062.500	2,51%
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	135.752.817.500	97,49%	135.752.817.500	97,49%
Tổng cộng	139.245.880.000	100%	139.245.880.000	100%

* Thặng dư vốn cổ phần

* Cổ phiếu ngân quỹ

171.657.714.793
(107.134.765.077) 3.169.490 cổ phiếu

171.657.714.793
(93.233.198.607) 2.971.990 cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.245.880.000	139.245.880.000
+ Vốn góp đầu năm	139.245.880.000	127.745.880.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	11.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	139.245.880.000	139.245.880.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	21.209.647.650	24.071.994.500

20.4. Cổ phiếu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.924.588	13.924.588
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.924.588	13.924.588
+ Cổ phiếu thường	13.924.588	13.924.588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	3.169.490	2.971.990
+ Cổ phiếu thường	3.169.490	2.971.990
Trong đó:		
Gilimex mua	212.500	15.000
Công ty con mua	2.956.990	2.956.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.755.098	10.952.598
+ Cổ phiếu thường	10.755.098	10.952.598
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

20.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	35.483.599.600	22.483.599.600
- Quỹ dự phòng tài chính	10.109.909.000	5.109.909.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(435.838.225)	45.846.813

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

20.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

20.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

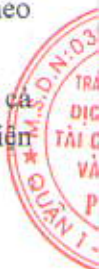
- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

20.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

20.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

21. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
21.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	892.754.842.227	994.275.400.196
+ Doanh thu bán hàng	859.150.084.407	931.824.168.291
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.604.757.820	62.451.231.905
	75.442.500	-
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	75.442.500	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
	892.679.399.727	994.275.400.196
- Doanh thu thuần		
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	859.074.641.907	931.824.168.291
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	33.604.757.820	62.451.231.905
	8.484.106.592	32.432.391.121
21.2. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.508.702.849	18.783.751.055
- Lãi bán chứng khoán	-	6.737.775.683
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.487.284.017	3.107.144.125
- Hoa hồng ủy thác	-	266.762.832
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.369.399.917	3.398.917.425
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.719.809	138.040.001
	148.141.531.812	14.032.104.112
21.3. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ vận chuyển	-	216.683.151
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	146.359.745.455	1.080.290.909
- Công nợ không ai đòi	404.366.734	10.604.063.157
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	1.377.419.623	2.131.066.895

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	762.566.885.539	830.343.165.073
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.591.066.788	9.629.618.407
Tổng cộng	772.157.952.327	839.972.783.480

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí dự phòng chứng khoán	(5.063.857.940)	12.794.794.863
- Chi phí lãi vay	24.729.527.859	26.810.965.556
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.919.516.627	2.670.564.901
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.311.917.315	461.042.941
- Chi phí tài chính khác	2.004.712.773	5.745.326.212
Tổng cộng	26.901.816.634	48.482.694.473

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí vi phạm hợp đồng	460.484.370	-
- Thanh lý hàng tồn lâu ngày	826.777.287	209.131.965
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	61.921.526.116	664.515.054
- Chi phí phân bổ	-	-
- Chi phí khác	402.224.005	729.635.146
Tổng cộng	63.611.011.778	1.603.282.165

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	36.082.920.998	15.916.035.087
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	36.082.920.998	15.916.035.087

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(90.741.221)	905.626.001
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.211.321.832	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	1.120.580.611	905.626.001

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi tiêu	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.955.900.296	684.821.828.667
2. Chi phí nhân công	183.599.972.789	200.390.313.405
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	31.219.628.607	21.903.499.071
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.681.364.956	35.811.641.530
5. Chi phí khác bằng tiền	82.903.886.737	53.986.654.747
Tổng cộng	753.360.753.384	996.913.937.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.510.347.484	35.893.174.860
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	66.510.347.484	35.893.174.860
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.868.468	10.952.598
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.120	3.277

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương và thưởng của các thành viên BGD	3.780.000.000	4.341.600.000
Lương và thưởng của các thành viên HĐQT	528.000.000	398.000.000

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. Tài sản và nợ phải tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày khoản mục này.

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả cho người bán	51.129.699.796	-	-	51.129.699.796
Người mua trả tiền trước	3.743.007.782	-	-	3.743.007.782
Vay và nợ	319.247.625.658	-	-	319.247.625.658
Phải trả người lao động	27.614.431.981	-	-	27.614.431.981
Chi phí phải trả	1.239.395.376	-	-	1.239.395.376
Các khoản phải trả phải nộp khác	21.572.446.569	-	-	21.572.446.569
Cộng	424.546.607.162	-	-	424.546.607.162

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

h. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

i. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

j. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá", do đó tỷ giá Công ty sử dụng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ là tỷ giá bình quân liên ngân hàng được Ngân Hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm cuối năm tài chính 2011 và cuối năm tài chính 2012, tỷ giá bình quân liên ngân hàng không thay đổi nên Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

k. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiếu

Tổng Giám đốc



Lê Hùng